

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28 /2018/HNGĐ- ST

Ngày: 14/5/2018

*V/v: Tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 05/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/01/2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX- ST ngày 09/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương

(Anh Tr có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương

(Chị L hiện đã bỏ đi, mất tích khỏi nơi cư trú)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2017, biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc nguyên đơn anh Lê Văn Tr trình bày: Anh Tr và chị L được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/9/2004. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dạy con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng vui vẻ bình thường. Tuy nhiên khoảng vài tháng sau kết hôn do vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung và việc nuôi dạy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh em trong gia đình nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Anh Tr đã đi tìm chị L khắp nơi nhưng không ai biết tin tức gì của chị L. Anh Tr đã tiến hành việc nhắn tin tìm kiếm chị L trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng không thấy tin tức gì của chị L. Ngày 22/9/2016, anh Tr tiếp tục nhắn tin tìm kiếm chị L trên Đài tiếng nói Việt Nam nhưng cũng không có kết quả. Ngày 03/4/2017, anh Tr làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn tuyên bố chị L mất tích theo thủ tục quy định. Đến ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn có quyết định số 03/2017/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh Tr, tuyên bố chị Đặng Thị L mất tích. Từ đó đến nay cũng không có tin tức gì của chị L.

Nay, anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có tin tức gì của chị L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Tr được ly hôn chị L để anh có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Anh Tr xác định vợ chồng có con chung là Lê Thị Thu T, sinh ngày 20/6/2002. Thực tế từ khi sinh ra đến nay, cháu T vẫn ở cùng anh và được chăm lo ăn học đầy đủ bằng bạn bè cùng trang lứa. Nay, vợ chồng ly hôn, chị L biệt tích không có thông tin gì nên anh Tr đề nghị được nuôi dưỡng cháu T, anh Tr tự nguyện không yêu cầu chị L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Tr đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện anh Tr, chị L không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết cho chị L thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải của Tòa án theo quy định nhưng không có thông tin gì của chị L.

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã N phản ánh nội dung: Chị Đặng Thị L là công dân của địa phương, từ năm 2005 chị L đã tự bỏ đi khỏi địa phương, từ đó đến nay không có thông tin gì của chị L.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương xác định: Chị Đặng Thị L là con dâu của bà D, từ cuối năm 2005 chị L đã tự ý bỏ nhà, bỏ chồng con ra đi và biệt tích từ đó đến nay, không còn tin tức liên lạc gì với gia đình và chồng con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Tr được ly hôn chị L; Về con chung, xử giao cho anh Tr được quyền nuôi con chung là Lê Thị Thu T, sinh ngày 20/6/2002; Chấp nhận việc anh Tr tự nguyện không yêu cầu chị L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Tr đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Anh Tr phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay anh Tr vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt, chị L đã bỏ đi biệt tích và Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tr và chị L được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/9/2004 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị L có nơi cư trú tại huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của anh Tr là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn và yêu cầu của anh Tr xin ly hôn và giao nuôi con chung thì thấy: Qua lời khai của đương sự trình bày tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình anh Tr và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng anh Tr và chị L nhiều năm nay không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng

như việc nuôi dạy con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được, gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ cuối năm 2005 chị L đã tự ý bỏ nhà ra đi, biệt tích. Anh Tr đã đi tìm chị L khắp nơi nhưng không ai biết tin tức gì của chị L. Anh Tr đã tiến hành việc nhắn tin tìm kiếm chị L trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng không thấy tin tức gì của chị L. Ngày 22/9/2016, anh Tr tiếp tục nhắn tin tìm kiếm chị L trên Đài tiếng nói Việt Nam nhưng cũng không có kết quả. Ngày 03/4/2017, anh Tr làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn tuyên bố chị L mất tích theo thủ tục quy định. Đến ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn có quyết định số 03/2017/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh Tr, tuyên bố chị Đặng Thị L mất tích. Từ đó đến nay cũng không có tin tức gì của chị L. Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã N và đại diện gia đình anh Tr từ năm 2005 đến nay chị L đã bỏ nhà ra đi, biệt tích và hiện không có tin tức gì của chị L. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng anh Tr, chị L đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh Tr, chị L có con chung là Lê Thị Thu T, sinh ngày 20/6/2002. Thực tế từ khi sinh ra đến nay cháu T đều ở cùng bố tại xã N, được chăm lo nuôi dưỡng đảm bảo bằng bạn bè cùng lứa tuổi. Hiện cháu T cũng mong muốn được ở cùng bố để ổn định việc ăn ở học tập. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi cho con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Tr được quyền nuôi cháu T là phù hợp thực tế, đúng pháp luật; Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hiện chị L mất tích, anh Tr tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr hàng tháng đến khi con chung trưởng thành; Xét đây là sự tự nguyện của anh Tr và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận theo quy định.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện anh Tr không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn chị L mất tích, không có mặt tại Tòa, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, anh Tr phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, chị L không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn Tr được ly hôn chị Đặng Thị L;

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn Tr được nuôi con chung là Lê Thị Thu T, sinh ngày 20/6/2002;

Chấp nhận việc anh Tr tự nguyện không yêu cầu chị L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Tr đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Anh Lê Văn Tr phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001418 ngày 02/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh Tr đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Thẩm phán**

Phạm Thị Chuộng - Bùi Quốc Huy

Phạm Anh Tuyết